

Thứ hai, ngày 3 tháng 2 năm 2020

Vietnam Daily Review

Tiếp tục mất điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 4/2/2020		•	
Tuần 3/2-7/2/2020		•	
Tháng 2/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Chịu ảnh hưởng mạnh từ mức sụt giảm gần 7% của thị trường Trung Quốc trong ngày giao dịch đầu tiên sau kỳ nghỉ Lễ, ngay từ đầu phiên sáng, VN-Index tiếp tục chìm trong sắc đỏ. Tâm lí hoảng loạn bao trùm có lúc đã kéo chỉ số xuống dưới ngưỡng tâm lí 900 điểm. Tuy vậy, trong phiên chiều, nhờ sự hồi phục của một số cổ phiếu bluechips trụ cột như BID, CTG, HPG, NVL, đà giảm của thị trường đã phần nào được hoãn lại. Như đã đề cập trong báo cáo tuần, BSC cho rằng, sự bùng phát mạnh của dịch cúm sẽ là rủi ro cho thị trường trong ngắn hạn khi chưa có biện pháp kiểm chế hiệu quả. Theo đó, nhà đầu tư nên thận trọng trong hoạt động giao dịch và theo dõi sát diễn biến của dịch. Nhà đầu tư có thể tham khảo thêm đánh giá của BSC về dịch cúm 2019-nCoV tại đây.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 900 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 3/2/2019, hầu hết chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng.

Danh mục i-Invest: Theme Ngành Được 4.5%. 9/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Ngành Được** - là nhóm cổ phiếu có tính phòng thủ, thích hợp cho đầu tư dài hạn, đặc biệt, trong giai đoạn thị trường biến động xấu - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **4.5%**, con số này của VNINDEX là -0.9%

Phân tích kỹ thuật: HPG_Bật lại từ vùng hỗ trợ (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **-8.48 điểm**, đóng cửa 928.14. HNX-Index **-1.05 điểm**, đóng cửa 101.31.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+2.46); CTG (+0.85); HPG (+0.37); NVL (+0.26); DHG (+0.12)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-2.17); GAS (-1.79); VJC (-0.69); PLX (-0.67); BVH (-0.66)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,347 tỷ đồng**, **+8.1%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 38.52 điểm. Thị trường có 58 mã tăng, 36 mã tham chiếu và 297 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **50.36 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VNM (27.29 tỷ), E1VFN30 (20.73 tỷ) và VHM (14.79 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **13.21 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

928.14

Giá trị: 4347.35 tỷ

-8.48 (-0.91%)

Khối ngoại (ròng): 50.36 tỷ

HNX-INDEX

101.31

Giá trị: 594.18 tỷ

-1.05 (-1.03%)

Khối ngoại (ròng): -13.21 tỷ

UPCOM-INDEX

54.38

Giá trị: 157.72 tỷ

-0.75 (-1.36%)

Khối ngoại(ròng): 19.06 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	51.5	-0.08%
Giá vàng	1,575	-0.88%
Tỷ giá USD/VND	23,263	0.17%
Tỷ giá EUR/VND	25,631	0.00%
Tỷ giá JPY/VND	21,413	-0.07%
LS liên NH 1 tháng	3.4%	4.94%
LS TPCP 5 năm	2.3%	12.50%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	27.7	VJC	-31.4
E1VFN30	20.7	VIC	-25.3
VHM	14.8	PLX	-15.3
GAS	14.4	MSN	-7.2
HDB	13.3	CTG	-6.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **9/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Ngành Dược** - là nhóm cổ phiếu có tính phòng thủ, thích hợp cho đầu tư dài hạn, đặc biệt, trong giai đoạn thị trường biến động xấu - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **4.5%**, con số này của VNINDEX là -0.9%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **5/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **1/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngành Dược_4.5%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Ngành Dược	4.5%	16.9%	13.9%	12.5%	14.2%	25.5%	70.9%	17.1%
Ngân hàng	0.2%	-4.2%	4.7%	2.9%	13.9%	22.5%	84.8%	21.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.2%	-4.6%	3.0%	-1.5%	7.6%	10.2%	46.9%	19.4%
Vật liệu Xây dựng	-0.4%	-4.4%	-3.7%	-7.7%	-2.6%	5.6%	7.1%	18.6%
FTSE Việt Nam	-0.4%	-4.4%	-2.9%	-6.8%	-5.6%	3.7%	80.3%	14.8%
VN FinSelect	-0.5%	-4.7%	1.7%	-2.7%	5.0%	6.3%	37.4%	17.8%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.5%	-6.5%	-3.4%	-8.1%	-1.1%	7.6%	56.5%	15.3%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.9%	-7.0%	-1.4%	-4.4%	6.9%	27.6%	99.3%	19.3%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.9%	-5.0%	-4.0%	-7.8%	-7.6%	2.1%	71.2%	13.7%
Lãi suất giảm	-1.0%	-4.2%	-3.2%	-10.2%	-8.7%	-4.3%	42.5%	17.9%
Top 10 cổ phiếu VN30	-1.0%	-7.4%	-4.6%	-12.2%	-5.1%	-0.8%	46.1%	14.5%
VN Diamond	-1.3%	-7.3%	-3.9%	-9.4%	3.4%	11.2%	59.0%	17.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	-1.3%	-7.7%	-5.1%	-10.2%	1.8%	9.8%	62.2%	17.3%
Hàng tiêu dùng	-1.5%	-7.6%	-7.3%	-17.3%	-12.2%	-4.2%	44.2%	17.5%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-1.8%	-4.5%	-6.0%	-4.0%	-6.7%	5.5%	35.1%	14.5%
Chiến tranh thương mại	-2.2%	-6.6%	-7.5%	-14.2%	-15.3%	-5.2%	3.8%	15.4%
BDS & Khu công nghiệp	-2.2%	-6.5%	-8.6%	-11.1%	-9.3%	-1.5%	46.4%	16.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-2.5%	-7.6%	-7.1%	-12.2%	-16.9%	-14.2%	30.4%	21.2%
Xây dựng	-3.3%	-7.6%	-7.9%	-19.7%	-19.4%	-21.7%	4.5%	18.1%
Nước & Năng lượng	-3.4%	-7.6%	-10.2%	-13.8%	-13.3%	-6.0%	31.8%	14.5%
Dầu khí	-4.4%	-9.2%	-12.7%	-18.4%	-24.1%	-8.8%	5.7%	22.7%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 4	0.3%	-6.1%	-5.8%	-11.2%	0.7%	13.9%	47.6%	16.9%
Danh mục 14	0.1%	-5.7%	-5.0%	-11.0%	-1.9%	5.4%	38.7%	17.1%
Danh mục 1	-0.2%	-6.2%	0.1%	-0.8%	7.4%	14.2%	90.7%	17.4%
Danh mục 12	-2.9%	-9.6%	-8.3%	-10.5%	-5.1%	9.5%	62.3%	18.6%
Danh mục 18	-3.1%	-9.3%	-9.1%	-8.5%	-10.2%	-3.5%	106.5%	18.0%

* Note **5/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 19	-0.3%	-6.6%	-5.6%	-9.2%	0.5%	13.7%	52.3%	15.3%
Danh mục 20	-0.9%	-7.2%	-7.4%	-10.5%	-2.1%	8.2%	47.4%	16.9%
Danh mục 25	-1.1%	-6.9%	-3.6%	-8.5%	0.0%	18.7%	95.9%	16.9%
Danh mục 22	-1.7%	-7.8%	-6.8%	-11.0%	-2.9%	13.3%	52.1%	16.4%
Danh mục 24	-4.0%	-11.1%	-10.5%	-16.2%	-12.9%	8.3%	74.3%	20.5%

* Note **1/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

INDEX								
VNINDEX	-0.9%	-5.2%	-3.2%	-6.8%	-6.4%	2.2%	36.9%	15.4%
VN30INDEX	-0.7%	-6.1%	-3.4%	-8.8%	-4.6%	-2.2%	33.2%	15.8%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

2/3/2020

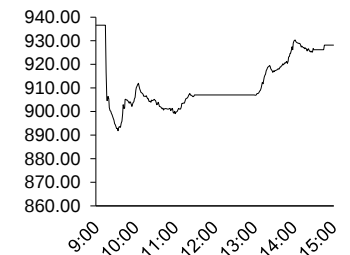
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

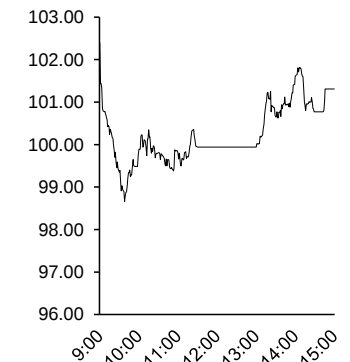
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	-6.9%
Bảo hiểm	-4.2%
Du lịch và Giải trí	-4.1%
Dầu khí	-4.0%
Hóa chất	-3.6%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.2%
Xây dựng và Vật liệu	-2.4%
Dịch vụ tài chính	-2.3%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.1%
Bán lẻ	-1.7%
Công nghệ Thông tin	-1.6%
Truyền thông	-1.6%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.4%
Thực phẩm và đồ uống	-1.2%
Bất động sản	-1.0%
Ô tô và phụ tùng	-0.2%
Ngân hàng	1.0%
Tài nguyên Cơ bản	1.1%
Y tế	1.3%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

HPG_Bật lại từ vùng hỗ trợ

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Giảm giá ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: xuất hiện Death Cross.
- Chỉ báo RSI: Ở gần mốc 50.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: HPG đang trong trạng thái giảm giá ngắn hạn theo xu thế chung của thị trường từ sau Tết Nguyên Đán. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây có chiều hướng tăng. Hôm nay, ngay từ đầu phiên, HPG đã nhẩy gap giảm lớn và về lại ngưỡng hỗ trợ theo kênh giá tăng tại vùng giá 23, để rồi từ đó cổ phiếu có sự hồi phục trở lại mạnh mẽ trong phiên chiều và chốt phiên ở trạng thái xanh điểm. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đang không có sự đồng nhất về trạng thái. Chỉ báo MACD đã xuất hiện Death Cross cho thấy cổ phiếu có thể chưa tăng trở lại trong ngắn hạn. Tuy vậy, việc đường EMA12 vẫn đang ở trên đường EMA26 là một sự đảm bảo rằng xu hướng tăng dài hạn trong năm nay sẽ được tiếp tục duy trì. Theo đánh giá của chúng tôi, HPG đang trong hành trình lớn của chu kỳ tăng mới và có thể sẽ chinh phục đỉnh cao mới vào cuối năm nay.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_ Hồi phục

[Link](#)

FPT_ Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_ Hồi phục

[Link](#)

HPG_ Tăng giá

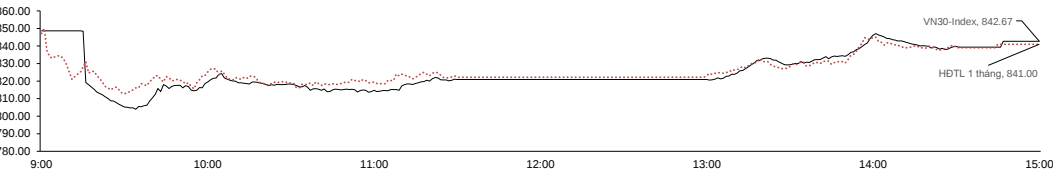
[Link](#)

NVL_ Tăng giá

[Link](#)

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4 Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2002	841.00	-1.29%	-1.67	31.8%	183620	2/20/2020	19
VN30F2003	844.00	-1.40%	1.33	61.4%	565	3/19/2020	47
VN30F2006	857.00	-0.36%	14.33	70.2%	160	6/18/2020	138
VN30F2009	847.00	-1.76%	4.33	-28.2%	28	9/17/2020	229

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tiếp tục giảm -5.96 điểm xuống mức 842.67 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VJC, VHM, MBB, MWG, TCB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. Trong phiên sáng, VN30 giảm mạnh ngay từ đầu phiên xuống dưới 805 điểm, trước khi phục hồi tích cực lên quanh 820 điểm. Sang phiên chiều, VN30 điều chỉnh giảm về cuối phiên xuống quanh 840 điểm, sau khi tăng mạnh lên gần 850 điểm. Thanh khoản tiếp tục giữ tại mức cao, VN30 có thể lùi về hỗ trợ mạnh quanh 835 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2002 và VN30F2006 đang tăng, trong khi VN30F2003 và VN30F2009 đang giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong ngắn hạn tới dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 900 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CFPT1905	SSI	4/22/2020	79	1:1	59,040	10.3%	1.0 triệu	22.34%	9,900	3,950	2.60%	1,031.60	3.83
CHDB2001	KIS	6/19/2020	137	2:1	41,130	287.7%	5.0 triệu	22.17%	2,000	1,790	2.29%	842.90	2.12
CHPG1909	KIS	5/15/2020	102	2:1	673,210	28.1%	5.0 triệu	25.98%	1,800	1,300	0.78%	719.30	1.81
CVPB1901	VND	3/5/2020	31	1:1	225,410	-10.1%	2.0 triệu	22.51%	3,500	4,780	-0.42%	4,122.80	1.16
CFPT1906	HSC	4/8/2020	65	5:1	653,430	-16.4%	5.0 triệu	22.34%	1,700	540	-1.82%	86.90	6.21
CVRE1902	HSC	4/8/2020	65	4:1	279,530	189.0%	5.0 triệu	23.20%	1,300	530	-1.85%	116.00	4.57
CVIC1903	KIS	5/15/2020	102	10:1	83,030	727.8%	4.0 triệu	14.44%	1,430	920	-5.15%	122.30	7.52
CVPB2001	HSC	6/22/2020	140	2:1	46,750	677.9%	5.0 triệu	22.51%	1,500	2,310	-5.33%	1,370.40	1.69
CFPT1908	MBS	6/17/2020	135	3:1	380,890	36.4%	2.4 triệu	22.34%	3,150	1,880	-6.00%	706.50	2.66
CVRE1903	KIS	5/15/2020	102	2:1	185,400	872.7%	4.0 triệu	23.20%	2,700	800	-8.05%	191.40	4.18
CVNM1903	SSI	4/22/2020	79	1:1	24,640	-47.5%	1.0 triệu	19.72%	26,600	7,030	-12.13%	856.30	8.21
CMBB1905	HSC	4/8/2020	65	2:1	326,780	161.0%	5.0 triệu	19.29%	1,700	470	-14.55%	32.10	14.64
CVHM1902	SSI	4/22/2020	79	1:1	43,120	-39.2%	1.0 triệu	21.97%	18,600	8,400	-15.66%	4,011.80	2.09
CHPG1907	SSI	4/22/2020	79	1:1	73,060	-55.0%	1.0 triệu	25.98%	4,200	4,720	-15.71%	3,869.90	1.22
CREE1905	MBS	6/17/2020	135	3:1	487,410	4.5%	2.4 triệu	23.62%	2,150	1,300	-16.13%	338.80	3.84
CVNM1906	VND	3/5/2020	31	2:1	55,470	-43.1%	1.0 triệu	19.72%	8,100	1,790	-18.26%	279.90	6.40
CMBB1903	SSI	4/22/2020	79	1:1	316,580	53.8%	3.0 triệu	19.29%	4,000	1,170	-22.00%	245.90	4.76
CVNM1905	MBS	4/28/2020	85	10:1	155,440	78.2%	1.5 triệu	19.72%	2,500	700	-25.53%	29.60	23.65
CTCB1902	VND	6/5/2020	123	1:1	119,210	-37.5%	2.0 triệu	22.81%	5,300	2,590	-28.06%	1,546.90	1.67
CVJC1902	SSI	4/22/2020	79	1:1	13,730	-68.3%	1.0 triệu	17.43%	27,900	9,430	-28.23%	2,717.80	3.47
CVRE1904	MBS	3/17/2020	43	3.00000	74,710	119.1%	1.5 triệu	23.20%	1,550	420	-32.26%	90.90	4.62
CTCB2001	HSC	6/22/2020	140	2:1	6,000	-66.7%	5.0 triệu	22.81%	1,700	920	-32.35%	377.00	2.44

Tổng:		4,317,970	45.80 triệu	21.61%**
Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất			CR: Tỷ lệ chuyển đổi
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%			Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
	**Trung bình độ lệch chuẩn			*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 3/2/2019, hầu hết chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng.
- Về giá, CTCB2001 và CVRE1904 giảm mạnh lần lượt là -32.35% và -32.26%. Thanh khoản thị trường tăng 11.37%. CHPG1909 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.42% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HPG và VPB, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVJC1902 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2001 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2 Top tăng điểm VN30			
CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	24.55	1.87	1.03
BID	53.50	3.88	0.55
NVL	56.00	1.63	0.47
VPB	22.60	0.67	0.35
CTG	25.15	3.07	0.31

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3 Top giảm điểm VN30			
CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VJC	125.5	-3.61	-1.69
VHM	85.2	-2.63	-1.18
MBB	20.4	-2.16	-0.86
MWG	108.8	-1.81	-0.79
TCB	21.5	-0.69	-0.47

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT1905	64,900	55,000	51,500
CHDB2001	33,099	29,099	27,000
CHPG1909	28,280	24,680	24,550
CVPB1901	21,500	18,000	22,600
CFPT1906	65,500	57,000	51,500
CVRE1902	37,700	32,500	30,200
CVIC1903	137,300	123,000	114,800
CVPB2001	23,000	20,000	22,600
CFPT1908	63,450	54,000	51,500
CVRE1903	41,189	35,789	30,200
CVNM1903	145,580	118,980	108,300
CMBB1905	26,400	23,000	20,350
CVHM1902	103,600	85,000	85,200
CHPG1907	25,200	21,000	24,550
CREE1905	41,050	34,600	33,500
CVNM1906	130,225	114,025	108,300
CMBB1903	26,000	22,000	20,350
CVNM1905	150,725	125,725	108,300
CTCB1902	26,300	21,000	21,450
CVJC1902	157,900	130,000	125,500
CVRE1904	37,150	32,500	30,200
CTCB2001	26,400	23,000	21,450

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	108.8	-1.8%	0.8	2,144	9.1	8,655	12.6	4.0	50.1%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	82.8	-1.8%	1.2	811	5.0	5,327	15.5	4.1	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	55.6	-5.4%	1.3	1,794	0.6	1,553	35.8	2.5	29.5%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	30.9	1.0%	0.8	310	0.2	2,859	10.8	1.0	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	114.8	0.0%	1.0	16,883	3.8	2,268	50.6	5.1	14.8%	11.7%
VRE	Bất động sản	30.2	0.5%	1.1	2,984	2.5	1,224	24.7	2.5	32.9%	8.8%
NVL	Bất động sản	56.0	1.6%	0.8	2,361	1.4	3,563	15.7	2.5	7.0%	15.5%
REE	Bất động sản	33.5	-1.2%	1.0	452	2.4	5,286	6.3	1.0	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	10.9	-6.1%	1.6	246	2.6	2,849	3.8	0.8	45.2%	20.3%
SSI	Chứng khoán	17.1	-3.7%	1.4	384	2.3	1,708	10.0	0.9	55.2%	9.4%
VCI	Chứng khoán	26.8	0.0%	1.0	192	0.1	4,218	6.4	1.1	36.0%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.7	-3.1%	1.7	248	1.3	1,421	13.1	1.3	56.3%	11.7%
FPT	Công nghệ	51.5	-1.0%	0.9	1,519	7.9	4,225	12.2	2.6	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	40.0	-11.1%	0.4	433	0.0	4,156	9.6	2.4	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	83.2	-3.8%	1.5	6,924	2.1	6,096	13.6	3.3	3.6%	25.5%
PLX	Dầu khí	51.0	-3.8%	1.5	2,640	1.3	3,495	14.6	2.8	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	15.6	-4.3%	1.4	324	3.0	1,529	10.2	0.6	21.5%	8.5%
BSR	Dầu khí	7.4	-2.6%	0.8	998	1.2	1,163	6.4	0.7	41.1%	11.0%
DHG	Dược	102.6	3.1%	0.5	583	0.7	4,668	22.0	4.0	54.4%	18.8%
DPM	Hóa chất	11.2	-3.9%	0.6	190	0.3	902	12.4	0.6	18.8%	3.7%
DCM	Hóa chất	5.7	-3.9%	0.6	131	0.1	683	8.3	0.5	2.4%	5.5%
VCB	Ngân hàng	88.7	0.0%	1.2	14,303	5.5	5,004	17.7	3.8	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	53.5	3.9%	1.7	9,356	3.4	2,398	22.3	2.9	18.1%	13.5%
CTG	Ngân hàng	25.2	3.1%	1.6	4,071	14.8	2,541	9.9	1.2	29.7%	13.1%
VPB	Ngân hàng	22.6	0.7%	1.2	2,395	4.3	3,370	6.7	1.3	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	20.4	-2.2%	1.2	2,058	12.6	3,480	5.8	1.2	20.9%	21.8%
ACB	Ngân hàng	22.6	-1.7%	1.2	1,628	4.3	3,686	6.1	1.3	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	42.2	-0.7%	0.9	150	0.2	5,165	8.2	1.4	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	28.5	-5.9%	0.3	122	0.1	4,167	6.8	1.1	20.4%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.6	-1.4%	1.1	628	0.0	732	19.9	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	24.6	1.9%	1.0	2,947	12.4	2,581	9.5	1.5	38.7%	17.4%
HSG	Thép	8.2	1.0%	1.8	151	3.0	1,161	7.1	0.6	18.7%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	108.3	-0.2%	0.8	8,200	10.4	5,478	19.8	6.9	58.8%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	208.9	-1.5%	0.8	5,825	0.2	7,477	27.9	7.1	63.4%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	50.0	-0.2%	1.1	2,541	2.7	4,772	10.5	1.4	39.2%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	18.0	-3.0%	0.4	459	0.9	508	35.5	1.5	6.3%	3.5%
ACV	Vận tải	58.7	-9.1%	0.8	5,556	0.3	2,630	22.3	4.2	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	125.5	-3.6%	1.1	2,858	5.8	7,889	15.9	4.8	19.5%	43.3%
HVN	Vận tải	27.0	-5.1%	1.7	1,665	1.2	1,640	16.5	2.1	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	19.0	-0.8%	0.9	245	0.8	1,595	11.9	0.9	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	13.2	-4.7%	0.5	161	0.6	2,421	5.4	0.9	32.0%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	64.5	-1.5%	1.1	449	1.3	8,824	7.3	3.0	2.2%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	17.3	-4.2%	0.7	337	0.2	1,454	11.9	1.2	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.9	-5.4%	0.8	231	0.2	1,953	7.1	0.9	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	52.2	-6.3%	0.9	173	0.7	8,858	5.9	0.5	47.1%	8.2%
VCG	Xây dựng	25.3	0.0%	1.0	486	0.1	1,567	16.1	1.7	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	24.3	-1.0%	0.4	261	0.4	1,750	13.9	1.1	51.0%	8.8%
POW	Điện	10.0	-4.9%	0.6	1,017	1.6	1,064	9.4	1.0	13.4%	7.8%
NT2	Điện	18.7	-2.9%	0.5	234	0.3	2,577	7.3	1.3	18.4%	19.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	53.50	3.88	2.34	1.56MLN
CTG	25.15	3.07	0.81	13.87MLN
HPG	24.55	1.87	0.36	12.08MLN
NVL	56.00	1.63	0.25	587350.00
DHG	102.60	3.12	0.12	152290.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	85.20	-2.63	-2.24	755310.00
GAS	83.20	-3.82	-1.84	565980.00
PLX	51.00	-3.77	-0.75	594560.00
VJC	125.50	-3.61	-0.74	1.09MLN
BVH	55.60	-5.44	-0.69	270730.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CMX	15.30	6.99	0.00	117300.00
DIC	3.24	6.93	0.00	1.60MLN
JVC	3.71	6.92	0.01	831970.00
GAB	47.25	6.90	0.01	208900.00
PGD	32.80	6.84	0.06	9940.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
APC	18.60	-7.00	-0.01	11960.00
ANV	17.95	-6.99	-0.05	101040.00
DPG	25.95	-6.99	-0.03	119450.00
DLG	1.60	-6.98	-0.01	8.13MLN
TDM	22.00	-6.98	-0.05	234740.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	7.90	5.33	0.45	27.40MLN
DHT	58.80	9.91	0.08	228200.00
PGS	28.90	3.21	0.03	100.00
SJ1	24.20	10.00	0.02	100.00
API	16.70	6.37	0.01	200.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

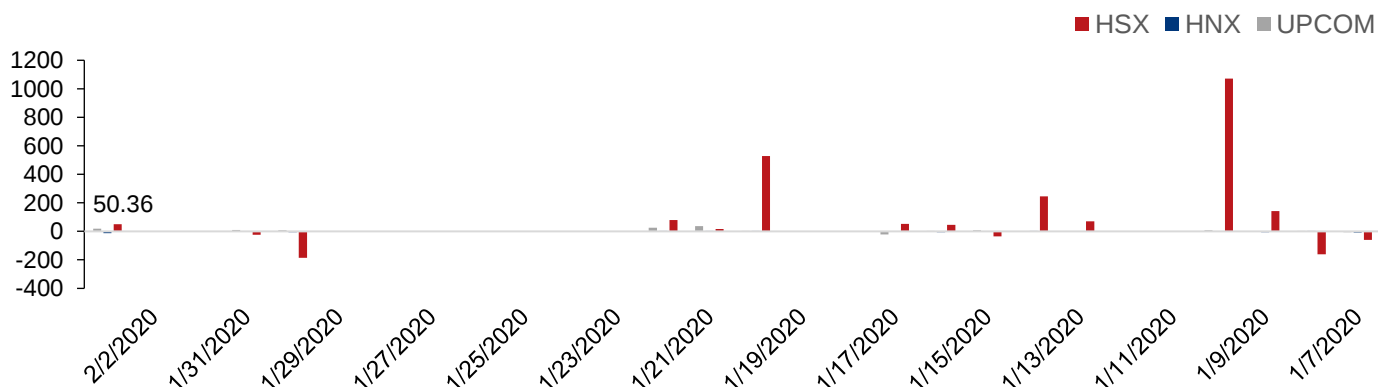
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.60	-1.74	-0.65	4.43MLN
PVS	15.60	-4.29	-0.17	4.37MLN
L14	50.00	-9.91	-0.07	103600.00
NDN	13.90	-7.95	-0.06	916600.00
NTP	28.50	-5.94	-0.06	107500.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.60	20.0	0.01	697300.00
BII	0.80	14.3	0.00	356800.00
VIG	0.80	14.3	0.00	423500.00
SPI	1.00	11.1	0.00	422700.00
DNM	11.00	10.0	0.00	9200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
L14	50.00	-9.91	-0.07	103600.00
VMS	7.30	-9.88	0.00	9000.00
CKV	16.50	-9.84	0.00	100.00
CAN	23.30	-9.69	-0.01	600.00
HAT	26.20	-9.66	0.00	12100.00



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
13	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
14	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
15	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
20	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	27.0	5,020	5.4	1.2	Click
2	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	82.8	5,327	15.5	4.1	Click
3	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	13.2	2,421	5.4	0.9	Click
4	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	150.8	29,035	5.2	4.1	Click
5	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	12.5	0	35.7	0.4	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	108.8	8,655	12.6	4.0	Click
7	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	22.6	3,686	6.1	1.3	Click
8	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	10.7	2,736	3.9	0.6	Click
9	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	21.5	2,881	7.4	1.2	Click
10	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	115.5	6,216	18.6	7.0	Click
11	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	88.7	5,004	17.7	3.8	Click
12	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	26.6	7,028	3.8	1.4	Click
13	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	51.5	4,225	12.2	2.6	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	23.2	3,897	6.0	1.1	Click
15	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	15.7	2,236	7.0	0.7	Click
16	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	30.7	2,846	10.8	0.6	Click
17	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	50.0	4,772	10.5	1.4	Click
18	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	108.3	5,478	19.8	6.9	Click
19	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	20.8	3,700	5.6	1.3	Click
20	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	79.0	93.5	33.5	5,286	6.3	1.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn